

Bản án số: 58/2018/HSPT  
Ngày 23 tháng 01 năm 2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Đặng Quốc Khởi

Ông Phan Đức Phương

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Thới Ngọc Bắc, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Ngọc Đảm – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 511/2017/TLPT- HS ngày 04 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn K do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn K đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 320/2017/HS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

***- Bị cáo có kháng cáo:***

**Bị cáo Nguyễn Văn K;** sinh năm 1982 tại: Long An. HKTT: ấp G, xã V, huyện T, tỉnh Long An; Chỗ ở: D15/17B Bình T1, phường T2, Thị xã T3, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Huỳnh Văn H, sinh năm: 1953; con bà: Nguyễn Thị B, sinh năm: 1955; Hoàn cảnh gia đình có vợ và 03 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2016. Tiền án tiền sự: Không. Tạm giam từ ngày 13/01/2016 – có mặt.

Ngoài ra, còn có bị cáo Nguyễn Văn Bé S không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị. Bị cáo Đoàn Văn D không bị kháng cáo, kháng nghị, có kháng cáo sau đó bị cáo Đoàn Văn D đã có đơn rút đơn kháng cáo.

*Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Đỗ Hải B1- Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

**1. Hành vi của Nguyễn Văn Bé S sửa chữa, sử dụng giấy CMND mang tên Nguyễn Thành L để mở tài khoản, đăng ký thay đổi doanh nghiệp và lừa đảo chiếm đoạt số tiền 1.253.600.000 đồng.**

Năm 2014, Nguyễn Văn Bé S (tên gọi khác Huỳnh Thanh T4) nhờ bạn tên H1 (không rõ lai lịch) tìm và đưa cho S một Giấy chứng minh nhân dân số 211827424 mang tên Nguyễn Thành L, sinh năm 1975, do Công an tỉnh Bình Định cấp ngày 23/11/2011. Sau đó, Nguyễn Văn Bé S bóc ảnh Nguyễn Thành L, rồi dán ảnh của S vào chứng minh nhân dân để sử dụng.

Ngày 29/5/2014, S sử dụng chứng minh nhân dân trên đến Ngân hàng Sacombank – Phòng giao dịch Phổ Quang đăng ký mở tài khoản số 060085489898 tên Nguyễn Thành L và đăng ký sử dụng dịch vụ Sacombank Internet Banking, dịch vụ tin nhắn SMS báo số dư qua số thuê bao 0937767259 (số điện thoại của S), S ký giả tên Nguyễn Thành L trên các chứng từ giao dịch tại Ngân hàng.

Khoảng tháng 10/2014, thông qua bạn tên Tú (không rõ lai lịch), S nhận chuyển nhượng Công ty TNHH TM DV Đ (gọi tắt là Công ty Đ) do Nguyễn Minh T5 làm Giám đốc nhằm mục đích mua bán hóa đơn. Sau đó, S thuê Nguyễn Văn D1 – Giám đốc Công ty TNHH DV Tư vấn thuế D2 (gọi tắt là Công ty D2) lập thủ tục đăng ký thay đổi doanh nghiệp. Ngày 04/11/2014, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5. Trong đó, Võ Thành Đ1 (bạn của S) là Giám đốc và Nguyễn Thành L là thành viên góp vốn.

Ngày 28/01/2015, Nguyễn Văn Bé S đến Ngân hàng Sacombank - Phòng Giao dịch Đồng Khánh làm thủ tục đăng ký mở tài khoản số 060097005128 cho Công ty Đ (sử dụng CMND giả mang tên Nguyễn Thành L để đăng ký), S ký giả chữ ký của Võ Thành Đ1 – Giám đốc Công ty Đ trên “Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản”; “Phiếu đăng ký/thay đổi thông tin khách hàng”; “Giấy cam kết”; “Phiếu đăng ký dịch vụ” và đăng ký dịch vụ Internet Banking, tin nhắn SMS qua số thuê bao 0936222976 (do S sử dụng).

Theo lời khai của Nguyễn Văn Bé S : Thông qua bạn tên Nghĩa (không rõ lai lịch), S sử dụng Công ty Đ để xuất bán hóa đơn cho Lê Thị H2 – Giám đốc Công ty TNHH TM A (gọi tắt là Công ty A) – Trạm xăng dầu 68 trị giá 1.436.980.000đ. Theo thỏa thuận, số tiền 1.436.980.000đ S tự nộp vào tài khoản của Công ty A tại

Ngân hàng Sacombank, và chuyển lại số tiền này vào tài khoản của Công ty Đ sau đó rút tiền ra nhận lại. Ngày 20/4/2015, S nộp 1.436.980.000đ vào tài khoản Công ty A thì H2 tự ý sử dụng dịch vụ Internet Banking chuyển tiền sang các tài khoản khác chiếm đoạt. Số tiền trên là do S vay của Lâm Quốc B2. Ngoài ra, để có tiền trả nợ, Nguyễn Văn Bé S cũng dùng thủ đoạn như trên, chiếm đoạt của Nguyễn Văn K 300.000.000đ. Do S là em ruột nên K không tố cáo. Để có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, Nguyễn Văn Bé S tiếp tục sử dụng thủ đoạn như trên chiếm đoạt tiền của chị Vũ Ngọc Phương T6, cụ thể như sau:

Khoảng tháng 5/2015, Nguyễn Văn Bé S liên hệ với bạn là Hà Hữu X (không rõ lai lịch) đặt vấn đề cần tìm người cho vay chuyển tiền để hợp thức hóa cho việc mua bán hóa đơn giữa Công ty Đ và Công ty TNHH MTV L1(gọi tắt là Công ty L1) (do Nguyễn Văn K quản lý), bằng cách: Người cho vay nộp tiền vào tài khoản Công ty Đ, rồi chuyển tiền vào tài khoản Công ty L1 và rút ra nhận lại. Tất cả các chứng từ liên quan đến giao dịch nộp tiền, chuyển tiền, rút tiền nêu trên đều do S cung cấp. X đồng ý và thống nhất lãi suất cho vay 1% trên tổng số tiền chuyển.

Sau đó, X liên hệ với S yêu cầu giao chứng từ cho người của X. Ngày 13/5/2016, S giao cho Huỳnh Thanh T7 gồm: Giấy giới thiệu, ủy nhiệm chi đã ký tên đóng dấu sẵn Công ty Đ; giấy giới thiệu, giấy rút tiền đã ký tên đóng dấu sẵn Công ty L1 (do Nguyễn Thị Cẩm L2 cung cấp). T7 giao lại toàn bộ giấy tờ cho Nguyễn Thanh P theo yêu cầu của Toàn (không rõ lai lịch, không phải X).

Theo lời khai của Nguyễn Thanh P: Khi được Toàn đặt vấn đề tìm người cho vay chuyển tiền để hợp thức hóa mua bán hóa đơn giữa Công ty Đ và Công ty L1, P đã trao đổi với Trần Trọng P1 tìm người cho vay tiền và hứa sẽ gửi tiền cả phê cho P1, P1 đồng ý. Sau đó, P1 giới thiệu Vũ Ngọc Phương T6 gặp P để thỏa thuận việc cho vay chuyển tiền. P hướng dẫn T6: bên vay không nhận tiền mặt mà nhận vay tiền bằng hình thức nộp tiền vào tài khoản một công ty này, rồi tiếp tục chuyển đến tài khoản của một công ty khác và rút ra nhận lại. Bên vay tiền sẽ làm sẵn các loại giấy tờ, chứng từ chuyển tiền và rút tiền mặt đưa cho T6 trực tiếp thực hiện, với lãi suất 1% trên tổng số tiền chuyển. T6 đồng ý. Do đó, khi P nhận được chứng từ từ T7, P nhờ P1 giao lại cho T6. Sáng ngày 14/5/2015, P1 giao lại cho T6, gồm: Giấy giới thiệu chưa ghi nội dung của Công ty Đ, S đã ký giả chữ ký Nguyễn Thành L, Ủy nhiệm chi chuyển tiền cho Công ty L1, S viết sẵn nội dung “đơn vị chuyển tiền là Công ty Đ, đơn vị thụ hưởng Công ty L1, số tiền 1.203.600.000đ, nội dung là "thanh toán tiền cát", ký tên Nguyễn Thành L, đóng dấu Công ty Đ; Giấy rút tiền mặt từ tài khoản của Công ty L1 chưa ghi nội dung, đã có chữ ký và đóng dấu của Công ty L1, nhưng không ghi họ tên chủ tài khoản.

Ngày 15/5/2015, Vũ Ngọc Phương T6 đến Ngân hàng Sacombank - Phòng giao dịch Hạnh Thông Tây, Chi nhánh Gò Vấp, thực hiện giao dịch nộp 1.253.600.000đ vào tài khoản số 060097005128 của Công ty Đ thì Nguyễn Văn Bé

S dùng số điện thoại 0936222976, sử dụng dịch vụ internet Banking, chuyển 500.000.000đ vào tài khoản số 060073889238 của Công ty Thiên Minh T8 để trả nợ cho Đỗ Thanh T9. Chuyển 14.000.000đ vào tài khoản số 060085489898 mang tên Nguyễn Thành L để tiêu xài cá nhân. Chuyển số tiền 400.000.000đ vào tài khoản số 070034523337 của Phạm Duy P2 để trả nợ cho Lâm Quốc B2. Chuyển số tiền 86.000.000đ vào tài khoản số 050051762247 của Lê Thị Mỹ H3 để trả nợ.

Biết đã bị lừa đảo chiếm đoạt tiền, chị Vũ Ngọc Phương T6 đã yêu cầu Ngân hàng Sacombank phong tỏa các tài khoản nhận tiền từ tài khoản Công ty Đ và tố giác hành vi lừa đảo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Gò Vấp. Ngày 24/8/2015, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Gò Vấp chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận giám định số 429/KLGD-TT; số 994/KLGD-TT ngày 16/8/2016, của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hồ Chí Minh, Kết luận:

"Chữ viết họ tên "Nguyễn Thành L" dưới mục thủ trưởng đơn vị "họ tên chữ ký người nộp tiền trên "Giấy giới thiệu" đề tên Vũ Ngọc Phương T6 ngày 15/5/2015 và chữ viết có nội dung " Cty TNHH TM và DV Đ... thanh toán tiền cát - 1.203.600.000 đồng" và chữ viết họ tên "Nguyễn Thành L" dưới mục "Chủ tài khoản" trên "ủy nhiệm chi" so với chữ viết của Nguyễn Văn Bé S trên 2 tài liệu giám định là do cùng một người viết ra.

Bản in giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thành L là thật; chứng minh nhân dân này bị thay đổi ảnh, không phát hiện dấu vết sửa chữa, tẩy xóa, điền thêm nội dung trên chứng minh nhân dân" (BL số 445, 448).

**2. Hành vi của Nguyễn Văn Bé S , Nguyễn Văn K, sử dụng CMND giả mang tên Nguyễn Văn T10 để thành lập Công ty TNHH TM DV T11 và hành vi của Nguyễn Văn Bé S , Nguyễn Văn K, Đoàn Văn D lừa đảo chiếm đoạt số tiền 1.765.300.000đ của anh Huỳnh Hoài T12:**

Khoảng tháng 3/2015, Nguyễn Văn Bé S yêu cầu Nguyễn Văn K cung cấp cho S chứng minh nhân dân giả để đăng ký thành lập doanh nghiệp và đăng ký mở tài khoản nhằm sử dụng làm phương tiện lừa đảo trả nợ cho K. Do muốn lấy lại tiền, K đã giao cho S chứng minh nhân dân giả số 341133125 mang tên Nguyễn Văn T10, sinh ngày 19/8/1982, thường trú tại khóm Tân Đ2, thị trấn Thanh B3, huyện Thanh B3, tỉnh Đồng Tháp do Công an tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 19/7/2011 nhưng dán ảnh Nguyễn Văn K, chứng minh nhân dân này do K thuê tên Dũng (không rõ lai lịch) làm giả. Sau đó, S giao chứng minh nhân dân trên thuê Nguyễn Văn D1– Giám đốc Công ty D2 đăng ký thành lập Công ty TNHH TMDV T11 (gọi tắt là Công ty T11) . Ngày 27/4/2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy đăng ký doanh nghiệp Công ty T11 do Nguyễn Văn T10 là chủ

sở hữu còn Bùi Hùng Minh Q (nhân viên Công ty D2) làm Giám đốc. Ngày 06/8/2015, Công ty T11 đăng ký thay đổi lần thứ nhất: Nguyễn Văn T10 là Giám đốc. Ngày 23/5/2015, Nguyễn Văn K đến Ngân hàng Sacombank – Chi nhánh Bình Dương làm thủ tục mở tài khoản cho Công ty T11(sử dụng CMND giả Nguyễn Văn T10) có số tài khoản 050052165481, đăng ký dịch vụ Internet Banking và dịch vụ tin nhắn SMS với Ngân hàng qua số thuê bao 01626903098 (S sử dụng). Ngoài ra, ngày 16/6/2015, K còn sử dụng chứng minh nhân dân Nguyễn Văn T10 để mở tài khoản cá nhân số 050052770510 tại Ngân hàng Sacombank – Phòng giao dịch Lái Thiêu (tài khoản này không phát sinh giao dịch). Nguyễn Văn K còn nhiều lần cung cấp giấy giới thiệu, ủy nhiệm chi và thông tin tài khoản của Công ty L1 (là Công ty do K mua lại của một người tên Tuấn không rõ lai lịch) cho Nguyễn Văn Bé S để sử dụng lừa đảo. Nguyễn Văn K còn kể cho Đoàn Văn D nghe về việc S lấy của K 300.000.000 đồng (như nêu trên). Hiện S đang dùng cách thức này để lấy tiền của người khác trả lại cho K. K nhờ D khi nào có tiền chuyển vào Công ty thì nhờ D thực hiện rút tiền dùm, K sẽ trả công và tìm việc làm cho D. D đồng ý. Để tránh bị công an phát hiện, theo yêu cầu của K, D đã chụp ảnh và giao ảnh cho K để làm chứng minh nhân dân giả cho D sử dụng vào việc rút tiền do lừa đảo mà có.

Khoảng tháng 8/2015, Nguyễn Văn Bé S trao đổi với Lê Hồng H1 (bạn) nhờ H1 tìm người thực hiện dịch vụ cho vay số tiền 1.765.300.000đ để hợp thức hóa việc thanh toán cho hợp đồng mua bán cát, đá giữa Công ty T11 và Công ty L1 với phương thức: Người cho vay nộp tiền vào tài khoản số 050052165481 của Công ty T11, mở tại Ngân hàng Sacombank – Phòng giao dịch Lái Thiêu và tiếp tục chuyển tiền vào tài khoản số 060095084039 của Công ty L1, mở tại Ngân hàng Sacombank – Phòng giao dịch Bình Trị Đông, với nội dung thanh toán tiền hợp đồng mua cát, đá, rồi rút tiền ra nhận lại trong ngày. Các chứng từ chuyển tiền, rút tiền và giấy giới thiệu của hai công ty S sẽ cung cấp. Nếu H1 tìm được người S sẽ trả chi phí dịch vụ là 0,3% trên tổng số tiền chuyển được. H1 yêu cầu chi phí là 0,5%, S đồng ý. S còn hứa thưởng thêm cho H1 10.000.000đ nếu chuyển tiền thành công và chuyển tiền sớm.

Sau đó, Lê Hồng H1 đặt vấn đề với Trịnh Thanh T13 nhờ tìm người cho vay chuyển tiền và T13 đã liên hệ với bạn là Huỳnh Hoài T12 đồng ý chuyển tiền theo thủ tục trên với lãi suất được hưởng là 0,5% trên tổng số tiền chuyển. Sau đó T13 liên hệ với H1 và yêu cầu cung cấp các chứng từ chuyển tiền, rút tiền, nên H1 thông báo cho S biết và yêu cầu cung cấp chứng từ. Nguyễn Văn Bé S thuê xe ôm đến giao chứng từ cho anh H1 tại Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, gồm: Thông tin số tài khoản Công ty T11 và Công ty L1; hai giấy giới thiệu, hai ủy nhiệm chi của Công ty T11 và Công ty L1 đã được đóng dấu sẵn và ký tên. Lê Hồng H1 giao các giấy tờ này cho Trịnh Thanh T13 và T13 giao cho Huỳnh Hoài T12 để thực hiện.

Ngày 19/8/2015, Huỳnh Hoài T12 đến Ngân hàng Sacombank – phòng giao dịch Chợ Cầu, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, nộp 1.765.300.000 đồng vào tài khoản số 050052165481 của Công ty T11. Lúc này Nguyễn Văn Bé S đang ở Phú Quốc tỉnh Kiên Giang thì nhận được tin nhắn qua số thuê bao 01626903098, thông báo tài khoản số 050052165481 của Công ty T11 được Huỳnh Hoài T12 nộp số tiền 1.765.300.000 đồng. S liền điện thoại yêu cầu K cung cấp tài khoản Ngân hàng để S chuyển tiền lừa đảo và rút ra chiếm đoạt. K cung cấp tài khoản số 050041525761 của Công ty TNHH TM DV XD Phúc Thiên P1 (gọi tắt là Công ty Phúc Thiên P1), mở tại Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Bình Dương (Công ty do K mua lại của một người không rõ lai lịch), S liền sử dụng dịch vụ Internet Banking chuyển 900.000.000 đồng vào tài khoản Công ty Phúc Thiên P1 và 865.300.000đ vào tài khoản số 070053462251 của Huỳnh Thanh T4 (là tài khoản cá nhân của S) mở tại Ngân hàng Sacombank - Phòng giao dịch Mỏ Cày Bến Tre. Do số tiền đã bị Bé S chuyển đến các tài khoản khác nên anh Huỳnh Hoài T12 không thể chuyển tiền vào tài khoản Công ty L1 để rút ra nhận lại, biết bị lừa đảo chiếm đoạt nên anh T12 đã làm đơn tố cáo đến Công an Quận 12.

Sau khi chuyển tiền, Nguyễn Văn Bé S điện thoại báo cho Nguyễn Văn K biết đã lừa được số tiền 1.765.300.000 đồng và đã chuyển 900.000.000đ vào tài khoản do K cung cấp, đồng thời nhờ K kiểm tra lại và đến Ngân hàng Sacombank rút toàn bộ số tiền giao cho S. Do có sự chuẩn bị trước, K điện thoại cho Nguyễn Văn T14 chở D đi rút tiền dùm K (T14 không biết tiền do phạm tội mà có). Khoảng 10 giờ ngày 19/8/2015, Nguyễn Văn T14 chở Đoàn Văn D đến nhà K, K giao cho D một chứng minh nhân dân giả số 172769910 mang tên Hắc Ngọc H4, do Công an Thanh Hóa cấp ngày 29/7/2008 (nhưng dán ảnh của Đoàn Văn D), một giấy giới thiệu của Công ty Phúc Thiên P1, giới thiệu Hắc Ngọc H4 đến ngân hàng Sacombank rút số tiền 898.000.000 đồng. K dặn D nhớ sử dụng thông tin Hắc Ngọc H4 để giao dịch rút số tiền phạm tội. Khi đến Ngân hàng Sacombank – Phòng giao dịch Thủ Dầu Một, Đoàn Văn D vào rút số tiền nêu trên. Sau đó T14 chở D về nhà K và giao toàn bộ số tiền cho K. K đưa cho T14 6.000.000đ để đưa cho D là tiền công đi rút tiền. T14 đã đưa cho D 6.000.000 đồng. K còn cho T14 6.000.000 đồng. Chiều cùng ngày 19/8/2015, K yêu cầu D hủy bỏ chứng minh nhân dân Hắc Ngọc H4 để tiêu hủy chứng cứ, tránh bị công an phát hiện. Sau đó, K báo S biết đã rút được số tiền 898.000.000 đồng. S trả nợ cho K 300.000.000 đồng, số còn lại Bé S sử dụng cá nhân.

Đối với số tiền 865.300.000đ trong tài khoản số 070053462251 của Huỳnh Thanh T4, S chưa rút được vì tài khoản này đã bị Công an Quận 12 kịp thời yêu cầu Ngân hàng Sacombank phong tỏa.

Tại Bản kết luận giám định số 1155/KLGD-TT ngày 12/10/2016, của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

“- Chữ viết “Bùi Hùng Minh Q” trên giấy giới thiệu và ủy nhiệm chi mẫu Ngân hàng Sacombank có đóng dấu của Công ty T11 so với chữ viết của Nguyễn Văn K do cùng một người viết ra.

- Chữ viết trên giấy rút tiền ngày 19/8/2015 mẫu Ngân hàng Sacombank (trừ chữ viết tại mục người nhận tiền) và trên giấy giới thiệu có đóng dấu của Công ty Phúc Thiên P1 so với chữ viết của Nguyễn Văn K do cùng một người viết ra.

- Chữ viết “Hắc Ngọc H4” tại mục người nhận tiền trên giấy rút tiền ngày 19/8/2015 mẫu Ngân hàng Sacombank có đóng dấu Công ty Phúc Thiên P1 so với chữ viết của Đoàn Văn D do cùng một người viết ra”. (BL số 590).

Tại Bản kết luận giám định số 2166/C54B ngày 03/8/2016, của Tổng cục Cảnh sát - Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: "Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T10 được làm giả bằng phương pháp in màu điện tử".

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn Bé S và Nguyễn Văn K khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Đối với Đoàn Văn D, ban đầu D khai: Khoảng tháng 8/2015, K yêu cầu D đưa một tấm hình thẻ để làm chứng minh nhân dân giả phục vụ cho việc rút tiền trong tài khoản của các ngân hàng do lừa đảo mà có, D đã giao cho K hình thẻ của D. Đến ngày 19/8/2015, K đưa D một chứng minh nhân dân tên Hắc Ngọc H4 (dán hình của D). D đã rút thành công 898.000.000 đồng. Sau đó D thay đổi lời khai, cho rằng khi K gọi đi rút tiền tại ngân hàng D mới biết tiền phạm pháp. Nhưng căn cứ lời khai của Nguyễn Văn K, lời khai ban đầu của Đoàn Văn D cùng việc D đưa ảnh của D cho K để làm chứng minh nhân dân giả tên Hắc Ngọc H4 trước khi Nguyễn Văn Bé S thực hiện hành vi lừa đảo. Như vậy có đủ cơ sở để xác định Đoàn Văn D đồng phạm với Nguyễn Văn K và Nguyễn Văn Bé S lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh Huỳnh Hoài T12 (BL số 886, 889, 894, 930 ).

Ngoài ra, trong quá trình Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh bắt khám xét đối với Nguyễn Văn K và Đoàn Văn D, thu giữ 02 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn K và Đoàn Văn D, 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Nguyễn Văn K do Sở GTVT TP.HCM cấp, qua giám định là làm giả bằng phương pháp in màu điện tử. Tuy nhiên, K và D chưa sử dụng thực hiện nhằm lừa dối cơ quan,tổ chức nên không xem xét trách nhiệm hình sự về hành vi này.

Tại phiên toà sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn Bé S và Đoàn Văn D khai nhận hành vi phạm tội phù hợp như bản cáo trạng đã nêu đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt. Riêng bị cáo Nguyễn Văn K không thừa nhận có hành vi bàn bạc với bị cáo S ngay từ đầu mà đến khi có tiền chuyển vào mới biết là tiền không hợp pháp, bị cáo cũng không được hưởng lợi gì vì tiền đã được bị cáo S dùng vào việc trả nợ, bị cáo

thừa nhận cáo trạng truy tố bị cáo về 02 tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” là đúng, không oan sai.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm 320/2017/HSST ngày 30/8/2017 Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

Bị cáo Nguyễn Văn Bé S phạm các tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và “Sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận và các tài liệu của cơ quan, tổ chức”;

Bị cáo Nguyễn Văn K phạm các tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”;

Bị cáo Đoàn Văn D phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng điểm a, khoản 4 Điều 139, khoản 1, Điều 267, khoản 1, Điều 266, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 50 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Bé S 15 (Mười lăm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 01 (Một) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 01 (Một) năm tù về tội “Sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận và các tài liệu của cơ quan, tổ chức”; Tổng hợp hình phạt của cả ba tội, buộc bị cáo Nguyễn Văn Bé S phải chấp hành hình phạt chung là 17 (Mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/01/2016.

Áp dụng điểm a, khoản 4 Điều 139, khoản 1, Điều 267 Bộ luật hình sự điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 50, Điều 53 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 11 (Mười một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 01 (Một) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Văn K phải chấp hành hình phạt chung là 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/01/2016.

Áp dụng điểm a, khoản 4 Điều 139, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 47, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 53 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Đoàn Văn D 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/01/2016.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm bồi thường, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 06/9/2017 bị cáo Nguyễn Văn K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 11/9/2017 bị cáo Đoàn Văn D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và ngày 18/9/2017 bị cáo Đoàn Văn D có đơn xin rút kháng cáo. Tòa án đã ra thông báo số 39 ngày 09/10/2017 về việc rút kháng cáo của bị cáo Đoàn Văn D.

*Tại phiên tòa phúc thẩm*, bị cáo Nguyễn Văn K kháng cáo cho rằng bị cáo không có hành vi lừa đảo vì bị cáo không có bàn bạc trước với Bé S. Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết giảm nhẹ bà ngoại có công cách mạng cho bị cáo. Bị cáo không có nhận 300.000.000 đồng mà Bé S chuyển khoản cho Phú trả số nợ

cho bị cáo nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường lại 300.000.000 đồng cho bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:* Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo K: Bị cáo Nguyễn Văn K đã cùng với Nguyễn Văn Bé S sử dụng CMND giả Nguyễn Văn T10 để thành lập Công ty T11 và mở tài khoản cho Công ty tại Ngân hàng Sacombank, nhằm mục đích sử dụng thông tin pháp nhân, tài khoản công ty này làm phương tiện lừa đảo chiếm đoạt số tiền 1.765.300.000 đồng của anh Huỳnh Hoài T12. Ngoài ra, K còn cung cấp tài khoản công ty Phúc Thiên P1 để S chuyển 900.000.000 đồng là tiền lừa của Huỳnh Hoài T12 vào tài khoản này, cung cấp các chứng từ của Công ty L1 để cho S chuyển cho anh T12, sau đó tổ chức cho Đoàn Văn D sử dụng CMND giả mang tên Hắc Ngọc H4 đến ngân hàng Sacombank – Phòng giao dịch Thủ Dầu Một rút số tiền 898.000.000 đồng và được S chia hưởng 300.000.000 đồng tiền trả nợ cho K. Các hành vi này cho thấy bị cáo K có sự chuẩn bị từ trước, có sự bàn bạc với bị cáo Bé S thực hiện các hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tiền của bị hại. Hành vi của bị cáo K nguy hiểm cho xã hội. Tội danh và hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo K là có căn cứ. Tại phiên tòa, bị cáo K xin thay đổi tội danh đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo không cung cấp tài liệu khác chứng minh bị cáo ngoại phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Kiệt. Về tội danh và hình phạt giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 320/2017/HSST ngày 30/8/2017.

*Bị cáo K trình bày:* Bị cáo có thực hiện các hành vi theo yêu cầu của Bé S nhưng không có bàn bạc trước với Bé S, không có hành vi lừa đảo.

*Người bào chữa cho bị cáo Luật sư Đỗ Hải B1 trình bày:* Tại phiên tòa, bị cáo K xin xem xét hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo không có phủ nhận việc mất tiền của anh Huỳnh Hoài T12. Bị cáo không có sự chuẩn bị, bàn bạc trước với Bé S trong việc lừa đảo anh T12 trước khi chuyển tiền vào tài khoản của bị cáo. Bị cáo có hành vi giúp sức cho bị cáo Bé S rút tiền. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo đồng phạm giúp sức về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là không đúng. Bị cáo phạm tội khác, có thể là tội tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, xem xét lại hành vi của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, xem xét số tiền bị cáo phải bồi thường.

*Bị cáo K trình bày:* Bị cáo đồng ý với ý kiến bào chữa của luật sư.

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa tranh luận:* Công bố lại lời khai của bị cáo K tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo K thừa nhận có cung cấp các giấy tờ trong việc lừa đảo tiền của anh T12, hành vi của bị cáo như cáo trạng truy tố lừa đảo của anh T12 1,765 tỷ đồng là đúng, chứng minh nhân dân của Nguyễn Văn T10 bạn bị cáo cho bị cáo, chứng minh nhân dân dân hình của bị cáo, giấy tờ Công ty L1 là do bị cáo cung cấp, công ty này bị cáo mua, bị cáo bàn bạc chiếm đoạt tiền của anh

T12 bằng cách Bé S nói bị cáo chuẩn bị ủy nhiệm chi, giấy giới thiệu để đi rút tiền. Bị cáo nhận 900.000.000 đồng tiền chuyển vào công ty. Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng. Lời khai của bị cáo D tại phiên tòa sơ thẩm, K nhờ bị cáo D đi rút tiền, đưa ảnh cho K nhưng không biết ai dán vào. Qua lời khai của bị cáo K, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm là khách quan. Lời khai của bị cáo K phù hợp với bị cáo D, bị cáo S. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không thừa nhận hành vi lừa đảo là không có cơ sở. Các tài liệu giám định cũng thể hiện đúng chữ ký của bị cáo K. Bị cáo có vai trò đồng phạm giúp sức trong vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo K biết rõ động cơ mục đích của đồng phạm, bị cáo đưa các giấy tờ giả để rút tiền là biết các hành vi gian dối. Bị cáo khai trước tòa không biết động cơ, mục đích phạm tội là không có căn cứ.

*Bị cáo K nói lời nói sau cùng:* Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn K thừa nhận đã cùng với Nguyễn Văn Bé S sử dụng CMND giả Nguyễn Văn T10 để thành lập Công ty T11 và mở tài khoản cho Công ty tại Ngân hàng Sacombank, nhằm mục đích sử dụng thông tin pháp nhân, tài khoản công ty này làm phương tiện lừa đảo chiếm đoạt số tiền 1.765.300.000 đồng của anh Huỳnh Hoài T12. Ngoài ra, K còn cung cấp tài khoản công ty Phúc Thiên P1 để S chuyển 900.000.000 đồng là tiền lừa của Huỳnh Hoài T12 vào tài khoản này, cung cấp các chứng từ của Công ty L1 để cho S chuyển cho anh T12, sau đó tổ chức cho Đoàn Văn D sử dụng CMND giả mang tên Hắc Ngọc H4 đến ngân hàng Sacombank – Phòng giao dịch Thủ Dầu Một rút số tiền 898.000.000 đồng và được S chia hưởng 300.000.000 đồng tiền trả nợ cho K. Đây là một chuỗi các hành vi cho thấy bị cáo K có sự chuẩn bị từ trước, có sự bàn bạc với bị cáo Bé S thực hiện các hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tiền của bị hại, do vậy không chấp nhận lời bào chữa của luật sư cho rằng bị cáo K không có sự chuẩn bị và không có sự trao đổi và bàn bạc với bị cáo S, không có yếu tố gian dối ngay từ đầu là không chính xác. Việc bị cáo không biết trước S lừa người bị hại là ai không ảnh hưởng đến việc định tội danh của bị cáo.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai những người làm chứng và các tài liệu khác đã có trong hồ sơ.

[3] Căn cứ Điều 345 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét nội dung của bản án mà bị cáo K kháng cáo. Người bị hại không kháng cáo phần dân sự và đơn kháng cáo của bị cáo chỉ xem xét giảm hình phạt, không kháng cáo về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét về phần này.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn K tại phiên tòa không thừa nhận hành vi lừa đảo nhưng lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị của luật sư bào chữa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy với các hành vi nêu trên của Nguyễn Văn K, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a, khoản 4 Điều 139, khoản 1, Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo K, xem xét vai trò của bị cáo K để có mức án phù hợp. Bị cáo K kháng cáo nhưng không đưa ra được các tình tiết mới. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo K, đề nghị của luật sư và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị.

[5] Do không được chấp nhận kháng cáo, bị cáo K phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các nội dung khác trong quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn K. Giữ nguyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a, khoản 4 Điều 139, khoản 1, Điều 267 Bộ luật hình sự điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 50, Điều 53 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 11 (Mười một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 01 (Một) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Văn K phải chấp hành hình phạt chung là 12 (Mười hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 13/01/2016.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn K theo quyết định của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

2. Các nội dung khác trong quyết định Bản án hình sự sơ thẩm 320/2017/HSST ngày 30/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bị cáo Nguyễn Văn K chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Công an TP. Hồ Chí Minh;  
(để tổng đạt cho bị cáo);
- Lưu: VP, HS, 15bTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký tên và đóng dấu)**

**Đinh Ngọc Thu Hương**